

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2021

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hoa;

2. Bà Nguyễn Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 23-02-2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-5-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02-6- 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đinh Thị G, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bị đơn: Anh Đinh Xuân B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Đ, x T, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị G trình bày:

Chị và anh Đinh Xuân B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2007 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ, thiếu tin tưởng nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh B cả hai gia đình nội ngoại đều biết và có hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, chị G chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị G xác

định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung Đinh Thuỳ C, sinh ngày 07/12/2007 và Đinh Bảo A, sinh ngày 19-06-2014. Ly hôn chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/01 con/ 01 tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn anh Đinh Xuân B trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn quá trình chung sống của vợ chồng như chị G đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, anh thường đi làm ăn xa không có thời gian quan tâm đến vợ con, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ. Mâu thuẫn của hai vợ chồng anh hai bên nội ngoại có biết và có hòa giải, anh và chị G đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 8 năm 2020 đến nay chị G chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung như chị G đã trình bày là đúng. Tại các buổi hoà giải và tại phiên toà anh B đều trình bày ly hôn anh nhất trí để chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Đinh Thị G được ly hôn anh Đinh Xuân B; Về con chung: Giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Thuỳ C, sinh ngày 07/12/2007 và Đinh Bảo A, sinh ngày 19-06-2014; anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/01 con/ 01 tháng. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Đinh Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

Anh Đinh Xuân B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị G và anh Đinh Xuân B kết hôn có tình cảm và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 29 tháng 6 năm 2017. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh B là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị G và anh B tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị G chuyển về nhà Bố Mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh B. Anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh B và chị G không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị G vẫn cương quyết ly hôn anh B. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh B.

[4] Về con chung: Chị Đinh Thị G và anh Đinh Xuân B có 02 con chung Đinh Thuỳ C, sinh ngày 07/12/2007 và Đinh Bảo A, sinh ngày 19-06-2014. Ly hôn chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000 đồng/01 con/ 01 tháng. Xét thấy: Đối với yêu cầu của chị G được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là chính đáng vì các cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và cũng là phù hợp nguyện vọng của cháu C, cháu A muốn được ở với mẹ và phù hợp với ý kiến của anh B về việc anh B nhất trí để chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/01 tháng tại các bản hoà giải ngày 26/3/2021, ngày 05/4/2021 và tại phiên toà. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thoả thuận này của chị G và anh B.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Anh Đinh Xuân B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị G được ly hôn anh Đinh Xuân B.
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đinh Thị G và anh Đinh Xuân B. Giao chị Đinh Thị G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Đinh Thuỳ C, sinh ngày 07/12/2007 và Đinh Bảo A, sinh ngày 19-06-2014 cho đến khi cháu C, cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Đinh Xuân B cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ 01con/ 01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu C, cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đinh Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0005429 ngày 23-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đinh Xuân B phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị G, anh Đinh Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương